

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH HẬU GIANG**

Số: 25 /2019/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hậu Giang, ngày 31 tháng 12 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy định quản lý chất thải rắn sinh hoạt  
trên địa bàn tỉnh Hậu Giang**

<b>SỞ TƯ PHÁP HẬU GIANG</b>	
<b>ĐẾN</b>	Số: 6063
	Ngày: 06/01
<b>Chuyên:</b>	
	tháng 6 năm 2015;

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;  
Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;  
Căn cứ Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu;  
Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;  
Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực từ ngày 09 tháng 01 năm 2020.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc sở, Thủ trưởng cơ quan, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn và các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này././.

**Nơi nhận:**

- VP. Chính phủ (HN - TP.HCM);
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản QPPL);
- TT: TƯ, HĐND, UBND tỉnh;
- VP. TƯ và các Ban đảng;
- UBMTTQVN và các Đoàn thể tỉnh;
- VP. Đoàn ĐBQH tỉnh;
- VP. HĐND và các ban HĐND tỉnh;
- Như Điều 3 (UBND huyện, TX, TP sao lưu cho UBND cấp xã);
- Cơ quan Báo, Đài tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, NCTH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Trương Cảnh Tuyên**

**QUY ĐỊNH**

**Quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hậu Giang**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số 25 /2019/QĐ-UBND  
ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang)

**Chương I**

**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy định này quy định về hoạt động quản lý chất thải rắn sinh hoạt (không bao gồm chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại), quyền và trách nhiệm của các chủ thể liên quan đến việc quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Quy định này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trong nước; tổ chức, cá nhân nước ngoài (sau đây gọi là tổ chức, cá nhân) có hoạt động liên quan đến chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

**Điều 3. Giải thích từ ngữ**

1. Điểm tập kết là điểm tập hợp tạm thời các loại phương tiện sau khi thu gom chất thải rắn sinh hoạt tại hộ gia đình, chủ nguồn thải, từ công tác quét dọn vệ sinh đường phố để chuyển chất thải rắn sinh hoạt sang xe cơ giới chuyên dùng có tải trọng lớn.
2. Trạm trung chuyển là nơi tập kết và lưu chất thải rắn sinh hoạt tạm thời để chuyển lên xe và vận chuyển đến khu xử lý chất thải rắn tập trung.
3. Khu xử lý chất thải rắn sinh hoạt là nơi được quy hoạch để tiếp nhận và xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh.
4. Nước rỉ rác là nước phát sinh từ độ ẩm của chất thải rắn từ quá trình lưu giữ, phân hủy sinh học các chất hữu cơ có khả năng phân hủy sinh học và lượng nước từ bên ngoài xâm nhập vào chất thải rắn sinh hoạt trong quá trình lưu chứa, vận chuyển, xử lý (nếu có).

**Chương II**

**QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

**Điều 4. Phân loại, lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt**

1. Chất thải rắn sinh hoạt phải được phân loại theo nhóm quy định tại Khoản 1 Điều 15 Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu (sau đây viết tắt là Nghị định số 38/2015/NĐ-CP) để tái sử dụng, tái chế nhằm giảm khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phải xử lý.

2. Việc tổ chức thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt phải tuân thủ theo Kế hoạch phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn trên địa bàn tỉnh do UBND tỉnh ban hành.

3. Chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn phải được lưu chứa trong bao bì hoặc thiết bị lưu chứa phù hợp. Chủ nguồn thải chất thải rắn sinh hoạt (trừ hộ gia đình, cá nhân) phải bố trí thiết bị lưu giữ theo quy định tại Khoản 2 Điều 7 của Quy định này.

#### **Điều 5. Thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt**

1. Chất thải rắn sinh hoạt phải được thu gom từ nơi phát sinh để vận chuyển tới điểm tập kết, trạm trung chuyển và cơ sở xử lý. Trong quá trình vận chuyển phải lựa chọn tuyến đường thuận tiện, ngắn nhất và hạn chế di chuyển trong khu nội ô của khu đô thị, phải bảo đảm không làm rơi vãi chất thải, gây phát tán bụi, mùi, nước rò rỉ ra môi trường.

2. Trên các đường phố chính, các khu thương mại, các công viên, quảng trường, các điểm tập trung dân cư, các đầu mối giao thông và các khu vực công cộng khác phải bố trí các thiết bị lưu giữ theo quy định tại Khoản 2 Điều 7 của Quy định này.

3. Các thiết bị lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt phải có kích cỡ phù hợp với thời gian lưu giữ. Các thiết bị lưu giữ tại các khu vực công cộng phải bảo đảm tính mỹ quan.

4. Vị trí bố trí các điểm tập kết chất thải rắn sinh hoạt phải đảm bảo yêu cầu kỹ thuật theo quy định tại Khoản 3 Điều 7 của Quy định này.

5. Vị trí bố trí trạm trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt phải đảm bảo yêu cầu kỹ thuật theo quy định tại Khoản 4 Điều 7 của Quy định này.

#### **Điều 6. Xử lý chất thải rắn sinh hoạt**

1. Chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh được xử lý theo công nghệ tiên tiến, thân thiện với môi trường và đảm bảo quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 19 Nghị định số 38/2015/NĐ-CP.

2. Địa điểm lựa chọn đầu tư xây dựng các cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt phải phù hợp với quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt và đảm bảo khoảng cách an toàn về môi trường theo quy định của pháp luật.

3. Việc lựa chọn chủ đầu tư cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo quy định tại Điều 20 Nghị định số 38/2015/NĐ-CP.

**Điều 7. Yêu cầu về kỹ thuật đối với thiết bị lưu giữ, điểm tập kết, trạm trung chuyển và phương tiện thu gom, vận chuyển; yêu cầu về tần suất thu gom, thời gian lưu giữ**

1. Chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn được chứa trong các bao bì (túi) trước khi đổ vào các thiết bị lưu giữ. Bao bì (túi) chứa chất thải rắn sinh hoạt đảm bảo không làm rò rỉ nước rỉ rác, phải được buộc kín, để đảm bảo không phát tán mùi. Hạn chế sử dụng túi ni-lông khó phân hủy để chứa chất thải rắn sinh hoạt, khuyến khích sử dụng túi ni-lông thân thiện môi trường để thay thế các túi ni-lông khó phân hủy.

2. Thiết bị lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng yêu cầu sau:

a) Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật quy định tại điểm A Phụ lục II Mục III Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường (sau đây viết tắt là Nghị định số 38/2015/NĐ-CP).

b) Có dán biển cảnh báo thông tin trên thân thiết bị lưu giữ.

3. Điểm tập kết chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng yêu cầu sau:

a) Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật quy định tại điểm A Phụ lục II Mục III Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 40/2019/NĐ-CP;

b) Vị trí được lựa chọn phải hạn chế ảnh hưởng đến giao thông, môi trường xung quanh và phải cách xa nơi kinh doanh thực phẩm, công bệnh viện, trường học, các khu vực ngoại giao, cơ quan hành chính, các điểm giao lộ;

c) Phải được vệ sinh và đảm bảo yêu cầu về vệ sinh môi trường;

d) Có cấm biển ghi rõ điểm tập kết chất thải rắn sinh hoạt.

4. Trạm trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng yêu cầu sau:

a) Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật quy định tại điểm A Phụ lục II Mục III Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 40/2019/NĐ-CP;

b) Việc xây dựng trạm trung chuyển phải phù hợp với quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt và đảm bảo khoảng cách an toàn về môi trường theo quy định của pháp luật;

c) Việc thiết kế xây dựng trạm trung chuyển phải đáp ứng các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về hạ tầng kỹ thuật, môi trường (tiếng ồn, nước thải, khí thải, mùi hôi...); phân khu lưu giữ tạm chất thải rắn sinh hoạt theo từng loại đã được phân loại tại nguồn.

5. Phương tiện thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng yêu cầu sau:

a) Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật quy định tại điểm B Phụ lục II Mục III Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 40/2019/NĐ-CP;

b) Đáp ứng yêu cầu về an toàn khi tham gia giao thông;

c) Số lượng phương tiện phải phù hợp, đáp ứng cho công tác thu gom, vận chuyển toàn bộ chất thải rắn sinh hoạt.

6. Tần suất thu gom, thời gian lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

a) Tần suất thu gom chất thải rắn sinh hoạt ít nhất 01 lần/ngày.

b) Thời gian lưu trữ chất thải rắn sinh hoạt của các chủ nguồn thải, hộ gia đình, cá nhân và tại các khu vực tập kết, trạm trung chuyển không được quá 02 ngày.